TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU
PHẬT HỌC
CƠ QUAN NGÔN LUẬN CỦA TRUNG ƯƠNG GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
ISSN: 2734-9195

Đóng góp của triều đại nhà Trần đối với Phật giáo Việt Nam về văn hoá, tư tưởng

ISSN: 2734-9195 14:20 14/10/2024

Triều đại nhà Trần không chỉ là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong công cuộc khôi phục và phát triển đất nước, mà còn là thời kỳ đánh dấu sự thăng hoa của Phật giáo trong mọi lĩnh vực văn hóa, giáo dục và tinh thần của dân tộc.

Tác giả: **Đỗ Văn Tân (Thích Nhuận Giác)**
NCS lớp Thạc sĩ Học viện PGVN tại Tp.HCM

Chương I. Khái quát vai trò Phật giáo đối với Việt Nam

Phật giáo có mặt tại Việt Nam từ rất sớm. Theo "*Phật giáo sử luận*" của Nguyễn Lang, Phật giáo được truyền đến Giao Chỉ (Việt Nam) vào thượng bán thế kỷ thứ nhất trước Tây lịch qua hình thức giao thương đường biển của các thương buôn Ấn Độ. Cuối thế kỷ thứ nhất, Phật giáo Đại thừa đã phát triển mạnh mẽ tại Ấn Độ, và những thương gia này mang theo niềm tin về sự bảo hộ của Phật Nhiên Đăng và Bồ tát Quán Âm để giúp họ an toàn vượt qua sóng gió trên biển.

Khi đến Giao Chỉ (thuộc địa của nhà Hán thời bấy giờ), họ không chỉ mua bán hàng hóa mà còn dừng lại nghỉ chân, thực hiện những bài kinh cầu an, đọc tụng tam quy và lễ bái. Điều này đã ảnh hưởng trực tiếp đến văn hóa của người Giao Chỉ.

Nhờ sự có mặt của các thương gia Ấn Độ, cùng với đó có thể là những vị thiền sư Ấn Độ, dân ta đã tiếp cận được những kỹ thuật canh tác, y thuật và tôn giáo Ấn Độ. Triết lý của Phật giáo, gần gũi và phù hợp với đời sống tinh thần của người dân bản địa, đã thấm vào văn minh Giao Châu một cách tự nhiên, như nước thấm vào lòng đất.

Từ khi xuất hiện trên lãnh thổ Việt Nam, Phật giáo đã trở thành một tôn giáo ăn sâu vào tâm thức người dân. Nhà sư Mãn Giác đã viết nên bài thơ nổi tiếng nhớ chùa với câu thơ:

“Chuông vẳng nơi nao nhớ lạ lùng,
Ra đi ai chẳng nhớ chùa chung...
Mái chùa che chở hồn dân tộc,
Nếp sống muôn đời của tổ tông.”

Ngôi chùa đã trở thành không gian chung của tất cả những người con Việt. Hình ảnh ngôi chùa với mái ngói rêu phong và tiếng chuông chùa vang vọng khi hoàng hôn buông xuống đã trở thành biểu tượng hồn thiêng của người dân Việt. Dù đi bất cứ nơi đâu, hình ảnh quen thuộc của mái chùa quê vẫn in đậm trong tâm trí, khắc khoải chờ mong ngày trở về nơi chôn nhau cắt rốn.

René Grousset, một học giả của Hàn Lâm viện Pháp, đã có nhận định tổng quát về Việt Nam trước những sóng gió của ngoại xâm: *“Nếu mà có sự thâm nhập thì, trái lại, cũng chẳng bao giờ có sự quên mất quốc tịch.”* Về nguyên nhân tồn tại của dòng giống Việt, Léopold Cadière còn nói rõ hơn rằng yếu tố tôn giáo đóng vai trò then chốt: *“Người dân Việt Nam mộ đạo Phật một cách sâu thẳm: Tôi muốn nói rằng họ đã kết nối tôn giáo vào tất cả mọi hành vi của họ.”*

Tôn giáo, đặc biệt là đạo Phật, đã đóng góp rất nhiều vào sự dựng nước ngay từ buổi ban đầu. Điểm qua các giai đoạn lịch sử trong quá trình dựng nước và giữ nước, các thiền sư đã dấn thân quên mình để bảo vệ bình yên cho bờ cõi. Khi cần, họ đã tham gia kiến tạo xây dựng đất nước. Khi xong việc lại trở về với cuộc sống thường nhật với rau dưa đạm bạc, chuông mõ sớm chiều, điển hình như Thiền sư Vạn Hạnh, người đã đào tạo Lý Công Uẩn kiệt xuất, mở ra cho quốc gia Đại Việt vươn lên tầm cao mới với chiếu rời đô về Thăng Long, tạo tiền đề cho triều đại nhà Lý hưng thịnh.

Hay khi vua Trần Thái Tông bỏ ngôi báu vào núi Yên Tử xuất gia, Thiền sư Viên Chứng khuyên rằng: *“Trong núi vốn không có Phật. Phật ở trong tâm ta. Nếu tâm lắng, tuệ hiện, đó chính là Phật. Nếu bệ hạ giác ngộ được tâm ấy thì thành Phật ngay tại chỗ, không phải đi tìm Phật cực khổ ở bên ngoài. Phàm làm đấng nhân quân, thì phải lấy ý muốn của thiên hạ làm ý muốn của mình, và tâm của thiên hạ làm tâm của mình. Nay thiên hạ muốn bệ hạ về, bệ hạ không về sao được? Chỉ mong bệ hạ đừng xao lãng việc nghiên cứu Phật học.”*

Lời khuyên của Thiền sư Viên Chứng đã giúp Trần Thái Tông giải quyết được một lúc hai vấn đề: Khao khát tu hành và trách nhiệm với giang sơn xã tắc. Nhờ những lời khuyên đầy trí tuệ, Trần Thái Tông đã có thêm niềm tin và bản lĩnh để gánh vác sứ mệnh của bậc quân vương. Tư tưởng này sau cũng trở thành nền tảng xây dựng tư tưởng trị quốc an dân, đưa đạo vào đời để xây dựng nên một Nhà Trần hưng thịnh với hào khí Đông A lẫy lừng khắp năm châu bốn biển.

Trong suốt chiều dài lịch sử, với hình thức khác nhau, Phật giáo đã đóng vai trò quan trọng trong mọi phương diện chính trị, kinh tế, văn hóa và giáo dục của người dân Việt. Chính vì vậy, Phật giáo luôn được sự quan tâm và bảo hộ. Dù có những lúc thế sự thăng trầm biến đổi, tầm quan trọng của Phật giáo đối với dân tộc vẫn là điều không thể phủ nhận. Một trong những triều đại mà Phật giáo hưng thịnh nhất phải kể đến là triều đại nhà Trần, đây cũng là chủ đề trong bài tiểu luận: *"Ảnh hưởng của vương triều nhà Trần đối với sự phát triển của Phật giáo Đại Việt."*

Ảnh: St

Chương II. Bối cảnh lịch sử nhà Trần

1. Thế giới chính trị xã hội thời nhà Trần

Bất cứ triều đại nào trong lịch sử đều trải qua những giai đoạn thịnh suy. Trước khi nhà Trần hình thành, nhà Lý đã ghi dấu ấn vẻ vang với nhiều đóng góp quan trọng cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Nhà Lý không chỉ chuyển đô về Thăng Long mà còn phát triển mạnh mẽ văn hóa, giáo dục, và xây dựng nhiều chùa chiền. Các vị vua như Lý Thánh Tông và Thái uý Lý Thường Kiệt đã đạt được những thắng lợi lẫy lừng trong cuộc kháng chiến chống Tống năm 1077, khẳng định sức mạnh quân sự của quốc gia.

Chính sách ngoại giao với các nước láng giềng và sự phát triển kinh tế thông qua nông nghiệp và thương mại cũng được nhà Lý chú trọng. Đặc biệt, việc hoàn thiện hệ thống pháp luật với bộ luật Hình thư đã tạo nền tảng cho một xã hội ổn định và phát triển.

Tuy nhiên, sự phát triển của nhà Lý dần đi vào suy thoái, đặc biệt trong bối cảnh các vị vua đời sau tỏ ra yếu kém. Trần Thủ Độ đã khéo léo sắp xếp để Trần Cảnh hôn phối với Lý Chiêu Hoàng, con gái của Lý Huệ Tông. Sau này, bà nhường ngôi cho chồng mở ra triều đại nhà Trần với vị vua đầu tiên hiệu là Trần Thái Tông. Không phải ngẫu nhiên mà trong "*Việt giám thông khảo tổng luận*", các đại thần đã ghi nhận những điểm yếu của các vua nhà Lý, từ Thần Tông sa đà vào nữ sắc, Anh Tông nuông chiều tiểu nhân, cho đến Cao Tông và Huệ Tông theo đuổi những thú vui tầm thường. Tình hình đó đặt Nhà Lý vào con đường suy vong, và việc trao lại vận mệnh quốc gia cho nhà Trần trở nên cần thiết hơn bao giờ hết.

Trong bối cảnh chính trị và xã hội của Đại Việt lúc bấy giờ, quốc gia đang đối mặt với những thách thức sinh tồn: Vừa phải bảo vệ đất nước, vừa duy trì ổn định nội bộ và củng cố quan hệ ngoại giao. Mông Nguyên, dưới sự lãnh đạo của Thành Cát Tư Hãn và Hốt Tất Liệt, đang mở rộng lãnh thổ và đã đánh chiếm nhiều vùng đất ở Á Đông, khiến âm mưu xâm lược trở nên đáng lo ngại. Để đối phó với tình hình này, nhà Trần cần có những biện pháp phòng ngừa và chuẩn bị kháng chiến hiệu quả.

Trong sắc chỉ, có đoạn viết: *“Trần Thái Tông ứng mệnh trời, nhận Chiêu Hoàng nhường ngôi. Với đức nhân hậu, tính giản dị, chắc chắn, đánh giặc yên dân, mở khoa thi lấy người giỏi. Tể tướng thì chọn người tôn thất hiền năng, triều điển định ra lễ nghi hình luật, chế độ Nhà Trần do đó hưng thịnh.”* Quả thật, việc Trần Thái Tông lên ngôi và khai sáng triều đại nhà Trần là một đáp ứng cấp thiết cho đất nước trong thời điểm đó. Một mặt, triều đại mới thâu tóm giang sơn về một mối, thống nhất ý chí dân tộc qua hành động; mặt khác, dưới sự lãnh đạo của nhà Trần, toàn dân đồng lòng xây dựng và phát triển đất nước, sẵn sàng bảo vệ những thành quả đạt được trước bất kỳ thế lực nào cố tình đe dọa.

Với những đóng góp quan trọng trong việc xây dựng và bảo vệ đất nước, nhà Lý đã đạt được nhiều thành tựu đáng kể, từ việc phát triển văn hóa, giáo dục đến kháng chiến chống ngoại xâm. Tuy nhiên, sự suy thoái của triều đại này do các vị vua yếu kém đã tạo điều kiện cho nhà Trần ra đời, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong lịch sử. Sự lên ngôi của Trần Thái Tông không chỉ là một bước đi cần thiết để khôi phục đất nước mà còn tạo nên một triều đại mạnh mẽ, thống nhất ý chí dân tộc, chuẩn bị sẵn sàng đối phó với những thách thức từ bên ngoài, góp phần xây dựng và phát triển xã hội Đại Việt.

2. Vai trò của Phật giáo trong đời sống tinh thần và chính trị thời nhà Trần

2.1. Sự lan toả Phật giáo đến tư tưởng của người dân thời nhà Trần

Các vua triều Lý đã đóng góp quan trọng vào việc phổ cập Phật giáo, ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống tinh thần của nhân dân. Dưới sự lãnh đạo của vua Lý Thái Tổ và các vua kế tiếp, triều đình khuyến khích xây dựng nhiều chùa lớn, như chùa Một Cột, chùa Hang Bái Đính và nhiều ngôi chùa mà ngày nay các chứng tích khảo cứu vẫn còn bên cạnh đó. Vua Lý Thánh Tông còn thành lập nên dòng thiền Thảo Đường với chủ trương tuỳ tục tiếp nối hệ tư tưởng dòng thiền Pháp Vân và Kiến Sơ đang lưu chảy vào thời Lý, các vị vua bảo trợ các tăng sĩ, giúp họ truyền bá giáo lý đến mọi tầng lớp nhân dân.

Sự kết hợp giữa Phật giáo và chính trị trong triều đình không chỉ xây dựng một xã hội hòa bình mà còn khuyến khích lòng yêu nước. Nghệ thuật và văn học Phật giáo phát triển mạnh mẽ, làm phong phú thêm di sản văn hóa dân tộc. Các vua triều Lý đã tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của Phật giáo. Trong những năm đầu lập quốc thời Lý, các vua rất cần thiền sư để liên kết nhân tâm và hỗ trợ giáo dục, ngoại giao.

Đến thời Trần, tình hình đã thay đổi; các vua Trần như Thái Tông, Thánh Tông, Nhân Tông và Anh Tông đều có kiến thức vững về Phật học và ủng hộ Phật giáo không chỉ vì họ là phật tử mà còn để xây dựng và bảo vệ đất nước.

Tiếp nối sự nghiệp lan toả Phật giáo đến đời sống xã hội các vua nhà Trần bên cạnh tiếp tục phát huy những việc nhà Lý đã làm vua Trần Thái Tông đã đặt nền móng cho việc thống nhất các thiền phái hiện có như Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường, tiến đến sát nhập và hình thành dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử duy nhất đời Trần. Trần Thái Tông lên ngôi vua khi mới tám tuổi và chỉ sống trong cung điện từ đó.

Theo bìa sách "*Thiền Tông Chỉ Nam*", vua tự học Phật theo lời khuyên của Trúc Lâm quốc sư. Sức học Phật của vua đã đạt đến trình độ thâm sâu, và những đau khổ nội tâm trong thời trai trẻ đã góp phần quan trọng vào quyết tâm học Phật và tu tập thiền đạo của Ngài. Trần Thái Tông đã soạn rất nhiều các kinh tác phẩm "*Khóa hư lục*", "*Thiền tông chỉ nam*", "*Chú giải Kinh Kim cương Tam muội*" và "*Lục thời sám hối khoa nghi*", các tác phẩm được phổ cập không chỉ ở chốn cung đình để các vị quan tước tìm hiểu tu tập mà trong các ngôi chùa của làng cũng được sử dụng như là thời khoá công phu, "*Khoá Hư Lục*" chính là nền tảng

triết lý của thiền phái Trúc Lâm Yên Tử các vị Tổ dòng thiền đều lấy đó làm kim chỉ nam sáng lập và truyền thừa.

Tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông, sưu tầm

Nói cách khác, người khai sáng ra thiền phái Trúc Lâm Yên Tử là Trần Nhân Tông làm đệ nhất tổ, nhưng người có công đặt nền móng cho việc thiết lập thiền phái Trúc Lâm phát triển từ mô hình tổ chức cho đến nội dung hành trì, tất cả đều mang tính độc lập và thể hiện bản sắc dân tộc chính là Trần Thái Tông. Sau này Trần Nhân Tông xây dựng Thiền phái Trúc Lâm cũng mang tư tưởng đưa đạo vào đời sống với tư tưởng *"Phật tại tâm", "Không phân biệt là sống giữa đời hay sống ẩn dật trong rừng, không phân biệt là tại gia hay xuất gia, tăng hay tục, chỉ cốt biện tâm",* điều này giúp Phật giáo tiếp cận với đời sống nhân dân rất dễ dàng ai cũng có thể thành Phật, mỗi người đều có thể tự tìm Phật tính ở trong tâm, tạo động lực niềm tin và là tia sáng soi chiếu cho mỗi người tự mình tìm về bản tâm thanh tịnh vốn có.

Với tư tưởng đó nhân dân tin tưởng Phật luôn ở trong tâm không do bên ngoài mà thấy được, khi giặc Mông Nguyên sang xâm chiếm lãnh thổ, nhân dân cùng với triều đình đoàn kết thực hiện chính sách vườn không nhà trống, họ ẩn trú tại các khu rừng để khi giặc tràn vào sẽ không cướp bóc được gì để nuôi quân, cùng với địa hình hiểm trở không phù hợp cho việc phát huy thế mạnh của quân Mông Nguyên đó là cỡi ngựa bắn cung, lúc này chiến trường cũng là Thiền đường. Tất cả nhà cửa, chùa chiền ... đều chuyển vào rừng để ẩn náu bởi *Phật tại tâm*, sự tu tập không đặt nặng về hình thức bên ngoài, chính với tư tưởng này đã giúp nhà Trần và nhân dân có tính hợp nhất đoàn kết làm nên chiến thắng Đông A.

Không chỉ là kinh điển mà các tác phẩm thơ thiền đời Trần xuất hiện rất nhiều, nếu thơ thiền nhà Lý thường mang đập tính triết lý ví dụ như thơ của Thiền Sư Khuông Việt *"Mộc trung nguyên hữu hoả/ Nguyên hoả phục hoàn sinh/ Nhược vị mộc vô hoả/ Toàn toại hà do manh*", dịch là "*Trong cây vốn có lửa/ Sẵn lửa, lửa mới sinh/ Nếu cây không có lửa/ Khi cọ xát sao thành*", thì thơ thiền đời Trần thường mang nét trữ tình ẩn sâu trong đó là triết lý Phật giáo như bài thơ *"Nguyệt"* của Trần Nhân Tông *"Bán song đăng ảnh mãn sàng thư/ Lộ trích thu đình dạ khí hư/ Thuỵ khởi châm thanh vô mịch xứ/ Mộc tê hoa thượng nguyệt lai sơ"* dịch *"Đèn song chếch bóng sách đầy giường/ Đêm vắng sân thu lác đác sương/ Thức dậy tiếng chày đâu chẳng biết/ Trên cành hoa quế nguyệt lồng gương"*.

Thơ thiền thời Trần có những hình ảnh rất gần gũi với đời sống thường nhật của người dân nên việc tiếp cận cũng trở nên dễ dàng hơn, các vua nhà Trần đều là những người có kiến thức uyên thâm về Phật học nên các bài thơ được viết một mặt thể hiện triết lý Phật học, một mặt phản ánh tinh thần yêu nước thương dân, đưa Phật pháp vào đời sống sinh hoạt thường ngày của người dân giúp họ hiểu đạo và còn củng cố thêm tinh thần đoàn kết một lòng phụng sự đất nước giống như tư tưởng Mâu tử trong "*Lý hoặc luận*" đã viết *"Ở trong nhà thì hiếu thảo mẹ cha, ra ngoài xã hội thì giúp nước hộ dân, khi ngồi một mình phải biết tu thân",* tư tưởng đó được các vị vua thời Trần ứng dụng triệt để phản ánh rất rõ như Trần Nhân Tông từng tuyên bố: *"Trần tục mà nên, phúc ấy càng yêu hết tấc, sơn lâm cùng cốc, hoạ kia cả đổ công"*

Chân lý không ở đâu xa có thể thấy được từ thực tiễn đời sống trần tục, Phật giáo là cuộc sống, ngoài cuộc sống thì không có Phật giáo. Thời kỳ của Trần Nhân Tông đánh dấu sự hưng thịnh cực độ của Phật giáo trong triều đại Trần. Tuy nhiên, tinh thần từ bi và khoan dung của Phật giáo không đi kèm với thái độ tiêu cực hay thờ ơ. Hội nghị Diên Hồng do Trần Nhân Tông triệu tập thể hiện sự đồng lòng của vua và dân tộc trong thời kỳ đó. Quyết định "Đánh" tại hội nghị là biểu hiện của ý thức tự chủ và tinh thần tự cường của người Việt trong thời kỳ Phật giáo phát triển mạnh mẽ.

Từ những đóng góp của các vua triều Trần, ta có thể thấy sự lan tỏa sâu sắc của Phật giáo trong đời sống văn hoá giáo dục. Vua Trần Thái Tông đã khởi xướng việc thống nhất các thiền phái, từ đó hình thành dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử, mang lại một cách tiếp cận gần gũi và dễ hiểu cho người dân.

Những tác phẩm chứa đựng tư tưởng Phật giáo được các nhà vua biên soạn cũng như các bài thơ thiền không chỉ chứa đựng triết lý Phật giáo sâu sắc mà còn phản ánh tình yêu quê hương và lòng yêu nước. Tư tưởng *"Phật tại tâm"* đã

giúp Phật giáo thấm nhuần vào cuộc sống hàng ngày, khuyến khích mọi người tìm kiếm sự thanh tịnh trong chính tâm hồn mình.

Các vua nhà Trần, với kiến thức uyên thâm về Phật học, đã đưa giáo lý vào đời sống sinh hoạt thường nhật, tạo động lực cho người dân hướng tới sự hoàn thiện đạo đức bản thân. Từ đó, Phật giáo không chỉ là một tín ngưỡng mà còn trở thành nền tảng tinh thần gắn kết cộng đồng, góp phần củng cố sự đoàn kết và tình yêu nước trong dân tộc.

2.2. Tầm ảnh hưởng Phật giáo đối với vấn đề chính trị thời nhà Trần

Quốc sư Viên Chứng đã chỉ ra những nguyên tắc cốt lõi cho đời sống của một nhà chính trị phật tử: *“Khi đã làm người phụng sự dân, cần phải lấy ý nguyện và mong muốn của dân làm của mình, trong khi vẫn không quên việc tu học bản thân.”*

Điều này được Trần Thái Tông nhấn mạnh khi khẳng định rằng nhà chính trị cần phải thực hiện đạo Phật trong xã hội (theo Thiền Tông Chỉ Nam). Tuệ Trung cũng cho rằng *“Sống trong lòng thế tục, hòa ánh sáng của mình trong cuộc đời bụi bặm”* (Thượng Sĩ Hành Trạng - Trúc Lâm). Nhân Tông đã đi khắp các thôn xóm, khuyên dân thực hành Thập Thiện và phê phán những tệ nạn xã hội. Mặc dù các tăng sĩ thời Trần không trực tiếp tham gia chính trị, nhưng Phật giáo đã đóng vai trò quan trọng trong việc kết nối nhân tâm.

Tâm lý Phật giáo đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến chính sách của các nhà lãnh đạo triều Trần. Đó là lấy nhân nghĩa để cảm phúc lòng người. Một ví dụ điển hình là việc Trần Nhân Tông, trong trận đánh với quân Nguyên, đã thể hiện tinh thần khoan dung khi thả cho một số tù binh về nước, khẳng định rằng lòng nhân từ là cần thiết để xây dựng hòa bình. Hành động này không chỉ làm giảm bớt hận thù mà còn tạo điều kiện cho sự đối thoại giữa hai bên, thể hiện rõ tư tưởng Phật giáo về từ bi và hòa giải.

Thái độ của Trần Nhân Tông có lẽ ảnh hưởng sâu sắc tinh thần Phật giáo qua "*kinh Pháp Cú*" chúng ta đã từng đọc *“Nó mắng tôi, đánh tôi/ Nó thắng tôi, cướp tôi/ Không ôm hiềm hận ấy/ Hận thù được tự nguôi”.* Hoặc một bài khác tương tự với "*Hận diệt hận thù/ Đời này không có được/ Không hận diệt hận thù/ Là định luật ngàn thu.*"

Qua các cuộc chiến tranh xâm lược của nhà Nguyên, Trần Nhân Tông nổi bật vai trò một vị Nguyên thủ, một Chính khách ngoại giao tài ba đầy quả cảm và giàu chất nghệ sĩ, có lập trường cứng rắn trong việc bảo vệ đến cùng độc lập tự

do của dân tộc, nhưng luôn mềm dẻo và vô cùng nhạy bén, linh hoạt trong quan hệ ngoại giao giữa hai quốc gia, hạn chế tối đa những mối nguy hại cho đất nước. Chính sự cương quyết nhưng mềm dẻo của Trần Nhân Tông đã góp phần đánh bại âm mưu xâm lược Đại Việt của nhà Nguyên, và quan trọng hơn là dập tắt luôn ý đồ phục hận của nhà Nguyên kể từ sau cái chết của Hốt Tất Liệt.

Hơn thế nữa Trần Nhân Tông còn đặt lợi ích quốc gia là trên hết sẵn sàng hi sinh tình cảm cá nhân, dù rất thương con nhưng vì bá tính muôn dân, hạn chế binh đao khói lửa. Ông đã khuyên nhủ con gái mình là Huyền Trần thuận theo ý sang làm dâu nước Chiêm. Các quan đại thần tể tướng như Trần Hưng Đạo, Tuệ Trung... vì an nguy quốc gia sẵn sàng dẹp bỏ tự ái cá nhân, làm hoà với những người đã từng hiềm khích, các bề tôi dù trong hoàn cảnh nào cũng lấy trung nghĩa tín làm tư lương, không vì thù riêng gia đình mà hại vua làm mối nguy nan cho xã tắc sơn hà.

Để có được những con người kiệt xuất đặt lợi ích chung của dân lên trên những lợi ích cá nhân đó, có lẽ do thấm nhuần tư tưởng vô ngã của Phật giáo, họ hiểu rằng hết thảy các pháp vốn nương nhau mà tồn tại chính vì vậy họ đã bỏ lợi ích cá nhân để hi sinh lợi ích chung cho muôn dân được ấm no hạnh phúc, luôn mong ước một đất nước hoà bình không còn cảnh chia cắt tang thương chính tinh thần đó đã tạo lên một nhà Trần với hào khí Đông A oai hùng lưu danh sử sách tới ngàn sau.

Việc Trần Nhân Tông trao cho Đệ nhị Tổ trăm hộp kinh sử ngoại điển cùng với 20 hộp nhỏ Đại tạng kinh và dặn dò mở rộng việc học bên trong và bên ngoài Phật giáo là nhằm thực hiện xã hội hóa, nâng cao trình độ dân trí sau này. Nội dung học thuật chứa đựng trong một trăm hộp ấy chắc chắn là chứa đựng nhiều kiến thức của các lĩnh vực khác nhau được nhà Phật xếp vào kiến thức thuộc ngoại điển.

Đây là tôn ý của Nhân Tông muốn Pháp Loa dùng kiến thức Phật học và ngoại điển để đào tạo ra những người thừa kế phải đủ sức gánh vác các phật sự khác nhau của đạo cũng như đời. Nếu không như thế, Phật giáo chỉ biết đào tạo cho xã hội những con người chuyên tu hành, giảng kinh, ngồi thiền và làm các công việc khác xoay quanh khuôn viên nhà chùa mà không tham gia hoạt động gì cho xã hội .

Trong tác phẩm cảm hứng sáng tác thi ca Thiền tông Việt Nam thời Lý Trần, TT. Thích Phước Đạt có nhận định về mối quan hệ giữa Phật pháp và đời sống nhân dân rất sâu sắc như sau: *“Hễ nơi nào có cuộc sống hiện hữu thì nơi đó có đời sống đạo, bởi đạo Thiền chỉ hiện hữu trong đời. Ngoài cuộc đời thì không có đạo Thiền”.*

Từ những phân tích trên, có thể thấy rằng tầm ảnh hưởng của Phật giáo đối với chính trị thời nhà Trần không chỉ dừng lại ở việc định hướng hành động của các nhà lãnh đạo mà còn thấm nhuần vào tư tưởng và hành động của nhân dân. Những giá trị như nhân ái, từ bi và hòa bình đã trở thành nền tảng vững chắc cho những quyết định chính trị của triều đại này.

Qua đó, Phật giáo không chỉ là một tôn giáo mà còn là một yếu tố văn hóa, tinh thần, góp phần định hình nên một xã hội đoàn kết, hòa bình, nơi mà lợi ích của dân tộc được đặt lên hàng đầu. Hành trình xây dựng và bảo vệ đất nước dưới triều đại Trần không chỉ là cuộc chiến chống ngoại xâm mà còn là minh chứng cho một nền chính trị nhân văn, hướng tới sự phồn vinh của nhân dân, để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử dân tộc.

Chương III. Nhà Trần đối với Phật giáo trong việc xây dựng Phật quốc

1. Việc xây dựng các chùa chiền, tăng cường hoạt động Phật giáo.

Chùa chiền thời Trần được xây dựng rất nhiều, tăng sĩ chiếm đền gần nửa dân số cho thấy đối với các vị Vua thời nhà Trần Phật giáo chính là quốc giáo, điều đó ít nhiều cũng làm các tầng lớp Nho gia cảm thấy có phần bị yếu thế, thế nhưng việc nhà Trần chủ trương ưu ái với Phật giáo là điều rất dễ hiểu, vì ngay cả vị vua của một nước đã là một phật tử thuần thành chưa nói đến có Trần Nhân Tông sau này xuất gia làm Sơ tổ Thiền Phái Trúc Lâm. Một đất nước có tư tưởng Phật giáo thấm nhuần từ trên vua chúa đến thứ dân như vậy thì chùa chiền được xây dựng khắp nơi là điều hiển nhiên.

Nho gia Lê Bá Quát đã viết trong một bia đá tại chùa Thiện Phúc những dòng sau đây, thể hiện nỗi thất vọng của ông về việc dân chúng quá chú trọng vào việc lập chùa mà không đầu tư vào trường học và văn miếu:

"*Thuyết họa phúc của nhà Phật sao lại cảm động lòng người đến vậy? Từ vương công cho đến hạng người bình dân, khi nhắc đến việc bố thí, cúng dường cho phật sự, họ sẵn sàng hy sinh hết tiền bạc mà không tiếc nuối. Hôm nay được cúng tiền xây chùa, họ vui mừng như thể ngày mai sẽ nhận được phúc báo tốt đẹp. Vì vậy, từ trong kinh thành đến các châu, phủ, mọi nơi thôn xóm, họ tự nguyện làm theo mà không cần lệnh truyền, không cần phải thề thốt vẫn giữ đúng như vậy. Chỗ nào có dân cư là có chùa. Nếu chùa hư nát thì sẽ được sửa sang. Lầu chuông trống chiếm đến nửa số dân cư. Sự hưng thịnh của đạo Phật*

đến dễ dàng, nhưng sự phát triển của giáo dục lại rất khó khăn. Thời trẻ, tôi đã đọc nhiều sách và tìm hiểu về đạo của thánh nhân, dùng để giáo hóa người đời, nhưng rốt cuộc chưa thể gây dựng được đức tin trong một làng. Tôi đã đi khắp núi sông, dấu chân đã đặt trên nửa thiên hạ, mà vẫn không thấy nơi nào có nhà học hay văn miếu. Vì vậy, tôi cảm thấy rất xấu hổ với các tín đồ Phật giáo. Tôi viết những dòng này để bày tỏ lòng mình." ***(Đại Việt Sử Ký Toàn Thư)***.

Trong sách "*Truyền Kỳ Mạn Lục*" của Nguyễn Dữ có ghi:

"*Các chùa như Hoàng Giang, Đồng Cổ, An Sinh, Yên Tử, Phổ Minh, Ngọc Thanh... được xây dựng dày đặc khắp nơi; số người cắt tóc làm tăng, ni nhiều không kém gì dân số thông thường. Đặc biệt, tại huyện Đông Triều, sự sùng bái Phật giáo càng trở nên thái quá: Chùa chiền mọc lên khắp nơi, làng lớn có hơn mười chùa, còn làng nhỏ cũng có khoảng năm, sáu chùa; bên ngoài lũy tre bao bọc, bên trong được tô vẽ vàng son...*" *(Chuyện cái chùa hoang ở huyện Đông Triều)* "*Số người cắt tóc làm tăng, ni cũng nhiều bằng nửa số dân thường.*"

Tuy sự thực có thể không hoàn toàn chính xác như vậy, nhưng rõ ràng rằng số lượng tăng sĩ thời Trần thực sự rất đông. Sự phát triển mạnh mẽ của Phật giáo trong giai đoạn này đã thu hút nhiều người tham gia tu hành, đóng góp vào sự hưng thịnh của đạo Phật và tạo nên một nét văn hóa đặc trưng trong xã hội thời bấy giờ.

"*Trong Việt Nam sử luận*" của Nguyên Lang có ghi:

"*Bất động sản được tặng cho các chùa như Báo Ân, Quỳnh Lâm, v.v... rất nhiều. Riêng chùa Quỳnh Lâm đã có trên 1.000 mẫu đất và nuôi dưỡng tới 1.000 người làm ruộng. Lợi tức từ đây có lẽ đã được sử dụng cho các hoạt động phật sự và tăng sự trong giáo hội. Tuy nhiên, nếu không có sự ủng hộ từ chính quyền, giáo hội khó lòng thực hiện được việc trùng san Đại Tạng kinh, một trong những công trình văn hóa lớn nhất của Phật giáo thời Trần, nay đã bị mai một.*"

Đại Tạng kinh đời Trần đã được thực hiện trong 24 năm (1295-1319). Vua Anh Tông đã mong muốn noi gương A Dục Vương ở Ấn Độ để trở thành một vị Nhân Vương Hộ Quốc. Vua đã nhờ Pháp Loa viết một cuốn sách hướng dẫn về đời sống của một quốc vương Bồ tát, có tên là Hộ Quốc Nhân Vương Nghi Quỹ. Tuy nhiên, vua chưa kịp xuất gia thì đã mất; nếu không, Giáo hội Trúc Lâm có lẽ đã tiến xa hơn nữa trong quá trình phát triển nhập thế của mình.

2. Thực hiện các nghi lễ Phật giáo trong các sự kiện quốc gia.

Trong thời kỳ nhà Trần, nhiều văn bản pháp quy và luật lệ về tổ chức hành chính quốc gia, cũng như trong lĩnh vực tôn giáo, đã được ban hành và áp dụng vào thực tiễn. Giới lãnh đạo Phật giáo thời bấy giờ đã đưa ra nhiều nghi thức và văn bản pháp quy nhằm tổ chức các hoạt động tu tập và lễ hội tâm linh mang tầm quốc gia.

Một trong những tài liệu quan trọng là "*Lục thời sám hối khoa nghi*" và "*Thiền tông chỉ nam*" do Trần Thái Tông biên soạn, với mục tiêu không chỉ phản ánh sự giáo hóa cho hậu thế mà còn mở rộng di sản của các thánh nhân trước đó. Các văn bản như "*Phật giáo pháp sự Đạo tràng*" công văn đã được ban hành toàn quốc, quy định chi tiết về thể thức tổ chức các đại lễ, lễ hội và những bài văn sớ, tấu, điệp được sử dụng trong các nghi lễ như thọ giới, chẩn tế, cầu an, cầu siêu. Điều đáng chú ý là các văn bản này không chỉ được áp dụng trong phạm vi chùa mà còn được chính quyền công nhận và áp dụng rộng rãi trên toàn quốc.

Một trong những nghi lễ quan trọng đáng chú ý đó là vào cuối đời, khi tuổi cao, sức yếu, Trần Nhân Tông Tổ thứ nhất, Trúc Lâm đã viết tâm kệ và lấy y bát truyền cho Pháp Loa, chính thức ủy Pháp Loa kế thế trụ trì chùa Siêu Loại làm tổ thứ hai. Pháp hội có sự chứng kiến của vua Anh Tông. Việc này được ghi trong sách Tam tổ thực lục:

"*Năm Mậu Thân, niên hiệu Hưng Long thứ 16, vào ngày mồng một tháng Giêng, Pháp Loa phụng mệnh làm người nối pháp trụ trì chùa Siêu Loại ở giảng đường Cam Lộ. Bắt đầu buổi lễ, mọi người làm lễ ở Tổ đường; đại nhạc được tấu lên. Các loại danh hương được xông đốt.... Điều Ngự thăng đường thuyết pháp: Thuyết pháp xong, Điều Ngự rời pháp tòa, dắt Pháp Loa cho ngồi trên pháp tòa ấy, rồi đứng chắp tay đối diện Pháp Loa làm lễ thăm hỏi. Sau khi Pháp Loa đáp bái lại. Điều Ngự trao pháp y cho Pháp Loa khoác vào. Bấy giờ Điều Ngự ngồi xuống ghế Khúc Lục một bên để nghe Pháp Loa thuyết pháp. Xong rồi, Điều Ngự đem Sơn môn (Giáo hội) Yên Tử vào chùa Siêu Loại ủy cho Pháp Loa kế thế trụ trì, làm tổ thứ hai phái Trúc Lâm".*

Sự hiện diện của nhà vua trong pháp hội, những nghi thức được tiến hành mà sách Tam tổ thực lục ghi lại cho thấy không chỉ tính đặc thù mà ở đó còn toát lên tính dân tộc của nghi lễ Phật giáo đương thời.

Những vị vua và thiền sư như Trần Thái Tông, Tuệ Trung, Trần Thánh Tông, Trần Nhân Tông, Pháp Loa, Huyền Quang không ngừng phát huy truyền thống tổ chức các lễ hội mang tầm quốc gia hằng năm. Các đại lễ như Kỳ an và Kỳ phúc trở thành những sự kiện quan trọng không chỉ trong đời sống triều đình mà còn trong tâm thức cộng đồng. Tên gọi của đại lễ "Vô lượng" mang ý nghĩa về sự vô hạn trong không gian, thời gian và công đức, phản ánh khát vọng thực thi hòa

bình, an lạc và hạnh phúc mà Phật hoàng Trần Nhân Tông mong muốn cho toàn thể nhân dân Đại Việt. Những nghi lễ này không chỉ mang giá trị tôn giáo mà còn góp phần củng cố tinh thần đoàn kết và khát vọng hòa bình trong dân tộc, tạo nên bản sắc văn hóa đặc sắc và sâu sắc của thời đại nhà Trần.

3. Dung hoà tôn giáo, kết hợp Tam tông và hợp nhất các thiền phái

3.1. Hợp nhất các thiền phái tạo ra thiền phái Trúc Lâm

Ngay từ khi trở về kinh đô nắm giữ triều đại, Trần Thái Tông đã chuyên tâm nghiên cứu kinh điển Phật và cả Nho suốt gần 10 năm, Ngài đã dụng công tu tập cuối cùng sự chứng ngộ nghĩa lý trong kinh Kim Cương, một bản kinh giới thiệu về trí tuệ giải thoát có thể giúp thấy rõ thực tướng vạn pháp ngộ được cốt yếu của kinh với tinh thần *"ưng vô sở trụ, nhi sinh kỳ tâm",* từ chỗ ngộ này mà Trần Thái Tông đã soạn ra tác phẩm *"Thiền tông chỉ nam"* nhằm trình bày sở đắc của mình ngoài ra còn rất nhiều các tác phẩm khác như "*Khóa hư lục*", "*Chú giải Kinh Kim cương Tam muội*" và "*Lục thời sám hối khoa nghi*"...

Các tác phẩm đã trở thành nền tảng tư tưởng để Trần Nhân Tông lập lên thiền phái Trúc lâm là một thiền phái độc lập riêng của người Việt, đó là sự tiếp thu những tinh tuý nhất của các thiền phái trước đó như Tỳ Ni Đa Lưu Chi, Vô Ngôn Thông, Thảo Đường thêm vào đó là những tư tưởng riêng phù hợp với thời đại và văn hoá dân tộc Đại Việt. Vậy nên nếu Trần Nhân Tông được nhân dân Đại Việt tôn xưng là Phật Biến Chiếu Tôn của nước Đại Việt thời bấy giờ thì vua Trần Thái Tông xứng đáng được tôn vinh là "Bó đuốc Thiền tông".

Sự kiện ra đời của dòng thiền này mang ý nghĩa vô cùng lớn lao, đáp ứng nhu cầu lịch sử của dân tộc trong việc xây dựng một đất nước Đại Việt độc lập và tự chủ. Điều này không chỉ được xác định qua cương thổ biên giới địa lý, mà còn ở mọi phương diện như chính trị, kinh tế, văn hóa và tôn giáo. Vì vậy, dù ở bất kỳ cương vị nào là vị Hoàng đế, Thái Thượng hoàng hay Thiền sư, các Ngài luôn khát khao thiết lập một dòng thiền mang đậm bản sắc Đại Việt, phù hợp với bối cảnh lịch sử đã chuyển mình và hình thái phát triển của đất nước.

Theo Nguyễn Duy Hinh nhận định sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm được hình thành từ hai tiến trình xã hội và tôn giáo, trong bối cảnh lịch sử của đất nước. Về mặt xã hội, trong giai đoạn đầu của nhà Trần, việc cấp bách nhất là xây dựng một hệ tư tưởng độc lập thống nhất, với bốn mục đích chính: Thoát khỏi sự lệ thuộc chặt chẽ về ý thức hệ với nước ngoài, tạo nền tảng tư tưởng để thống nhất dân tộc về mặt chính trị, tập trung quyền lực vào chính quyền trung

ương, và giải quyết các mâu thuẫn nội bộ giữa giai cấp lãnh đạo và quần chúng.

Về mặt tôn giáo, nhà Trần lựa chọn Thiền tông làm ý thức hệ tiêu biểu nhưng cần thay đổi nội dung để phù hợp với các yêu cầu cơ bản. Họ chủ trương lập ra một thiền phái độc lập, thể hiện bản sắc dân tộc rõ rệt hơn, với các mục tiêu như tự phân biệt với Thiền tông ở Trung Quốc, thay đổi nội dung tiêu cực của các phái trong nước, vượt qua sự khác biệt giữa các tông phái và tín ngưỡng, đồng thời tự khoác lên mình hình thức của một tôn giáo mới để thu phục quần chúng.

Sự ra đời của Thiền phái Trúc Lâm không chỉ là kết quả của những nỗ lực cá nhân của Trần Thái Tông và Trần Nhân Tông trong việc nghiên cứu và tu tập mà còn phản ánh nhu cầu cấp thiết của xã hội Đại Việt trong bối cảnh lịch sử đặc biệt. Việc hợp nhất các thiền phái trước đó và sáng tạo ra một dòng thiền độc lập mang đậm bản sắc dân tộc đã đóng góp quan trọng vào việc xây dựng một nền tảng tư tưởng vững chắc cho đất nước.

Thiền phái Trúc Lâm đã trở thành biểu tượng cho sự tự chủ, thống nhất và hòa hợp giữa các giá trị văn hóa, chính trị và tôn giáo trong xã hội. Nhờ vào sự kết hợp giữa trí tuệ Phật giáo và tư tưởng Nho giáo, dòng thiền này không chỉ đáp ứng nhu cầu tâm linh của người dân mà còn góp phần củng cố và phát triển đất nước Đại Việt trong giai đoạn mới. Sự tôn vinh Trần Thái Tông và Trần Nhân Tông không chỉ ghi nhận vai trò của họ trong lịch sử Phật giáo mà còn khẳng định vị thế của họ trong việc xây dựng một xã hội độc lập, tự chủ, mang đậm bản sắc văn hóa dân tộc.

3.2. Sự kết hợp giữa Thiền tông, Tịnh Độ và Mật tông.

3.2.1. Tư tưởng niệm Phật như một phương tiện thiền định

Yếu tố Tịnh độ trong tư tưởng của Trần Thái Tông và Thiền sư Tuệ Trung thể hiện rõ qua việc niệm Phật, được xem như một phương tiện gạn lọc tâm ý và thể hiện pháp thân. Mặc dù Trần Thái Tông đề cập đến việc "sinh về nước Phật", Ngài nhấn mạnh vai trò của việc phát khởi chính niệm và diệt trừ tam nghiệp.

Vua viết: "*Niệm Phật là do tâm phát khởi: Tâm phát khởi về nẻo thiện thì đó là thiện niệm; thiện niệm đã phát khởi thì thiện nghiệp sẽ đền bồi. Tâm phát khởi về nẻo ác thì đó là ác niệm; ác niệm đã sinh thì ác nghiệp sẽ ứng nghiệm. Như kính hiện ảnh, như bóng theo hình, cho nên Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ nói: 'ai mà vô niệm, ai mà vô sinh?'.*

"*Nay học giả muốn khởi chính niệm để dứt tam nghiệp thì cũng cần mượn công phu niệm Phật vậy. Vì sao niệm Phật có thể dứt tam nghiệp? Khi niệm Phật, thân ngồi ngay ngắn, không hành tà hạnh, đó là dứt thân nghiệp; miệng tụng chân ngôn.*"

Tuy nhiên, có ba trình độ trí giả: Đối với bậc thượng trí, tâm chính là Phật, không cần phải thêm gì vào, chủ thể niệm và đối tượng niệm là một không khác. Đối tượng và chủ thể niệm vốn bản nhiên thanh tịnh, nên nói là như như bất động, là Phật thân. Phật thân với thân ta không phải là hai; hình tướng không khác, tịch nhiên thường tồn, vượt ngoài mọi tư duy, nên gọi là Phật đang sống. Đối với bậc trung trí, thì tất cần mượn đến phương pháp niệm Phật, chú tâm tinh cần niệm trước nối niệm sau không vọng thất gián đoạn, tự tâm thành ra thuần thiện. Thiện niệm đã hiện thì ác niệm liền tiêu. Ác niệm đã tiêu thì chỉ còn lại thiện niệm.

Dùng niệm này mà ý thức đến sự có mặt của khái niệm, dùng niệm để diệt trừ khái niệm. Khái niệm đã diệt, tất nhiên hành giả trở về với chính đạo; khi mạng chung, đạt đến cái vui của Niết bàn, của thường, lạc, ngã, tịnh, vốn chính là con đường của Phật vậy. Đối với bậc hạ trí, miệng phải chuyên niệm lời Phật, tâm phải mong thấy tướng Phật, thân phải nguyện sinh nước Phật, ngày đêm siêng năng tu hành không thối chuyển, sau khi mạng chung sẽ tùy thiện niệm của mình mà được sinh về nước Phật, sau đó được nghe Chính pháp do chư Phật giảng dạy mà chứng được quả vị Bồ đề, cũng đạt tới địa vị Phật...".

Thái Tông đã hai lần nhấn mạnh việc "mượn đến phương pháp niệm Phật", cho thấy rằng vua coi niệm Phật như một phương tiện thiền định. Niệm Phật không chỉ giúp gạn lọc tâm ý, diệt trừ ác nghiệp mà còn phá vỡ những chướng ngại tâm lý, từ đó làm hiển lộ bản tính, hay còn gọi là Phật tính. Bài thơ của Tuệ Trung về Tịnh Độ cũng thể hiện quan điểm này, khi ông xem đức Phật A Di Đà là tự tâm của mỗi người, là pháp thân hiện hữu khắp nơi, như ánh trăng chiếu rọi trên mọi sóng nước của đại dương trong một đêm thu lạnh:

"Di Đà vốn thực pháp thân ta
Nam Bắc Đông Tây khắp chói lòa
Trăng Thu ngự giữa trời cao rộng
Đêm lặng trùng dương rạng chiếu xa."

3.2.2. Thiền giáo Nhất Trí

Sau khi Trần Nhân Tông xuất gia, phong trào Phật học đã phát triển mạnh mẽ và trở nên phổ biến trong cộng đồng. Trước đây, thiền chủ yếu chú trọng vào thiền tọa và tham cứu những thoại đầu, thường có sự đố kỵ đối với học thuật

chương cú.

Tuy nhiên, từ thời điểm này, việc học hỏi các kinh điển trở thành trọng tâm. Không chỉ thiền sinh học kinh Kim Cương và các bộ ngữ lục, họ còn mở rộng ra nhiều kinh khác, tiếp cận qua phương pháp phân tích, chú giải và bình luận. Đây là một hiện tượng mới mẻ trong thiền môn, được thúc đẩy bởi xu hướng tổng hợp giữa giáo tông và thiền tông, được gọi là khuynh hướng "thiền giáo nhất trí".

Ba vị lãnh đạo của Phật giáo Trúc Lâm đã có những đóng góp đáng kể vào phong trào Phật học này. Cả ba vị không chỉ giảng dạy các bộ ngữ lục mà còn tích cực giảng các kinh như Kim Cương, Pháp Hoa, Bát Nhã, Lăng Già và Hoa Nghiêm.

Kinh Hoa Nghiêm đặc biệt quan trọng, với Pháp Loa tổ chức nhiều khóa giảng thu hút từ 500 đến 1.000 người tham dự. Sách giáo khoa về các kinh cũng được soạn và ấn hành rộng rãi, bao gồm các tác phẩm như "*Chư Phẩm Kinh*" và "*Thích Khoa Giáo*" của Huyền Quang, cùng nhiều tác phẩm của Pháp Loa như "*Pháp Hoa Kinh Khoa Sớ*", "*Lăng Già Kinh Khoa Sớ*", "*Bát Nhã Tâm Kinh Khoa Sớ*" và "*Kim Cương Trường Đà La Ni Khoa Sớ*".

Ngoài ra, còn nhiều sách khác chủ yếu là phân tích và giải thích nội dung các kinh, với sách khoa sớ được sử dụng rộng rãi trong quần chúng. Điều này cho thấy sự dung hợp giữa thiền học và việc học chương cú vào đầu thế kỷ XIV. Việc khắc bản Đại Tạng kinh vào cuối thế kỷ XIII cũng đóng góp quan trọng vào phong trào Phật học thời kỳ này.

3.2.3. Ảnh hưởng Mật tông trong đời sống tu tập

Từ đầu thế kỷ thứ mười bốn trở đi, ảnh hưởng của Mật giáo dần được khôi phục. Đại Tạng kinh tại chùa Phổ Ninh được in lại vào cuối thế kỷ thứ mười ba, điều này chứng tỏ sự xuất hiện của nhiều văn bản mới về Mật giáo. Sự thịnh hành của Mật giáo dưới triều đại nhà Nguyên cũng chắc chắn đã tác động đến Phật giáo Đại Việt. Hốt Tất Liệt, người đã tiêu diệt nhà Tống để lập ra nhà Nguyên, là người Mông Cổ, trong khi Mông Cổ trước đó đã chiếm đóng Tây Tạng và chịu ảnh hưởng của Phật giáo Tây Tạng, cụ thể là Lạt Ma Giáo.

Một khía cạnh khác của sự thực hành Mật Giáo cũng đã trở thành phổ biến và quan trọng trong Phật giáo thời Trần: Việc tổ chức các trai đàn chẩn tế, hay còn gọi là "diệm khẩu phổ thí pháp hội", nhằm bố thí thức ăn cho loài quỷ đói. Phép thực hành này dựa trên tác phẩm "Thí Chư Ngạ Quỷ Ẩm Thực Cập Thủy Pháp", do Bất Không (Amogha) dịch vào thế kỷ thứ tám, thời kỳ Đường.

Trong các trai đàn lớn, nghi thức chẩn tế được áp dụng như nghi thức Du Già Khoa Nghi, với nhiều ấn quyết và thần chú. Trong thiền môn, thời khóa tụng niệm buổi chiều thường có một nghi thức thí thực cô hồn ngắn, gọi là Mông Sơn Thí Thực Văn. Cả hai nghi thức này đều mang đậm ảnh hưởng của Mật giáo. Sự kiện sách Phật giáo "Sự Đạo Tràng Công Văn Cách Thức" được ấn hành vào năm 1299 cũng cho thấy những nghi lễ thọ giới, cầu an, cầu siêu, và nhiều nghi thức khác đã có sự phân biệt và bản văn như sớ, tấu, điệp được sử dụng trong các lễ lược này đã trở nên phổ thông.

Như vậy sự kết hợp giữa Thiền tông, Tịnh Độ và Mật tông trong tư tưởng Phật giáo thời Trần không chỉ phản ánh sự giao thoa giữa các truyền thống tu hành mà còn làm phong phú thêm nền tảng tư tưởng và thực hành tôn giáo. Phật giáo đời Trần đã nhấn mạnh tầm quan trọng của niệm Phật như một phương tiện để gạn lọc tâm ý, phát khởi chính niệm và diệt trừ tam nghiệp.

Xu hướng "thiền giáo nhất trí" đã mở ra một thời kỳ mới cho Phật giáo, khuyến khích việc học hỏi và nghiên cứu các kinh điển. Đồng thời, ảnh hưởng của Mật giáo đã trở nên phổ biến, đặc biệt là qua các nghi thức chẩn tế, tạo nên một không gian tâm linh đa dạng và phong phú cho người tu hành. Những yếu tố này không chỉ củng cố vị trí của Phật giáo trong đời sống tâm linh của người dân mà còn thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền văn hóa tâm linh Đại Việt.

3.3. Dung hoà Nho - Lão - Phật

Về phương diện văn hóa, Phật giáo thời Trần đã có những đóng góp đáng kể. Tinh thần khoan dung và tự do chính là ưu điểm nổi bật nhất của Phật giáo. Nó không hề chống đối hay chỉ trích Nho giáo và Lão giáo, mà còn tạo điều kiện cho những hệ thống tư tưởng này phát triển một cách tự do. Những phật tử thuần thành nhất, như Thái Tông và Thánh Tông, đã góp phần mở rộng Nho giáo.

Ảnh vẽ biểu tượng Tam giáo đồng nguyên (Nho - Phật - Lão), sưu tầm

Năm 1253, Thái Tông đã thành lập Quốc học viện tại kinh đô và cho tạc tượng Chu Công, Khổng Tử, Mạnh Tử, cùng với việc vẽ tranh 72 vị tiền hiền để thờ cúng. Thánh Tông cũng cho hoàng đệ Trần Ích Tắc mở trường dạy Nho học. Năm 1267, ông chọn những nho sinh có học thức vững vàng để bổ nhiệm vào các vị trí trong triều. Thái Tông đã tổ chức các khoa thi vào các năm 1232 và 1247, và những khoa thi khác cũng tiếp tục được tổ chức nhằm tuyển chọn nhân tài.

Thời kỳ này, nền giáo dục chủ yếu mang tính chất từ chương, tập trung vào những kiến thức lý thuyết cơ bản. Văn chương và cú pháp không phải là yếu tố chính. Trong bầu không khí học tập cởi mở và tự do đó, triều đình đã rất tôn trọng và đãi ngộ nhân tài và sĩ phu, dẫn đến sự xuất hiện của nhiều người giỏi và sự phát triển rộng rãi của tri thức. Lê Quý Đôn trong "*Kiến Văn Tiểu Lục*" đã ghi nhận về giới sĩ phu thời Trần: "*Các vị ấy có phẩm hạnh và thanh khiết cao cả, có tư cách của người trí thức quân tử như thời Tây Hán, không phải kẻ tầm thường có thể sánh bằng. Nhà Trần đã đãi kẻ sĩ một cách khoan dung, không hẹp hòi, vừa hòa nhã vừa có lễ phép. Chính vì vậy, nhân sĩ thời ấy đều biết tự lập, anh hùng tuấn kiệt vượt lên trên những khuôn khổ thông thường, làm rạng rỡ cả sử sách, không thẹn với Trời Đất, mà đời sau khó lòng theo kịp.*"

Như vậy có thể thấy rằng sự dung hòa giữa Phật giáo, Nho giáo và Lão giáo trong thời kỳ nhà Trần không chỉ tạo nên một bức tranh văn hóa phong phú mà còn góp phần định hình nền tảng giáo dục và tư tưởng của dân tộc. Những nỗ lực của các vị vua như Trần Thái Tông và Trần Thánh Tông trong việc phát triển Nho học đã thể hiện tinh thần cởi mở và khoan dung, khuyến khích sự tự do tư tưởng và tôn trọng nhân tài. Nhờ đó, triều đại Trần đã khơi dậy những giá trị cao

quý trong xã hội, tạo điều kiện cho sự phát triển trí thức và văn hóa, đồng thời để lại dấu ấn sâu đậm trong lịch sử Việt Nam. Chính sự giao thoa này đã làm nên một thời kỳ huy hoàng, nơi các tư tưởng được tôn vinh và phát triển, từ đó góp phần xây dựng một xã hội văn minh và thịnh vượng.

Chương IV. Ảnh hưởng Phật giáo đến văn hoá và đời sống tinh thần

1. Phát triển văn học, nghệ thuật kiến trúc gắn liền với tư tưởng Phật giáo.

Trần Nhân Tông truyền bá đạo Phật bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Thi phú bằng chữ Nôm đã xuất hiện trong thiền môn từ rất sớm. Nguyễn Thuyên đã sáng tác bài văn tế cá sấu và được vua Nhân Tông ban cho họ Hàn. Mặc dù các tác phẩm Nôm của Hàn Thuyên, Nguyễn Sĩ Cố và Chu Văn An hiện nay đã bị thất truyền, nhưng Trúc Lâm Điều Ngự, người đã ban họ Hàn cho Nguyễn Thuyên, vẫn để lại hai tác phẩm Nôm: Một bài phú mang tên "*Cư Trần Lạc Đạo*" và một bài ca có tên "*Đắc Thú Lâm Tuyền Thành Đạo Ca*".

Bên cạnh đó, Huyền Quang cũng để lại một bài phú "*Vịnh Vân Yên Tự*". Những tác phẩm này cho thấy rằng thơ phú bằng chữ Nôm đã bắt đầu hình thành trong giới thiền gia. Chữ Nôm xuất hiện là một sự sáng tạo của người Việt, sự phổ biến chữ Nôm giai đoạn này chứng tỏ triều đại nhà Trần muốn độc lập về mặt tư tưởng văn hoá nghệ thuật, để làm được điều đó thì đầu tiên cần phải có ngôn ngữ chữ viết riêng, ngoài ra cũng còn một lý do xuất phát từ việc vua Trần muốn dân chúng tiếp cận được với Phật giáo dễ dàng hơn qua ngôn ngữ của người Việt, đây cũng là mong muốn của đức Phật.

Theo cuốn kinh điển Phật giáo của Kogen Mizuno, đức Phật được hai anh em xuất thân trong dòng Bà-la-môn tên là Yameru và Tekula vì ngưỡng mộ giáo lý của Phật họ đã xuất gia làm Tỳ kheo. Họ cho rằng truyền bá giáo lý vi diệu thù thắng của Phật bằng ngôn ngữ địa phương (Magadhi) có thể làm hoen ố sự cao quý của Phật giáo nên họ đã thỉnh cầu đức Phật tuyên giảng bằng ngôn ngữ tao nhã giống với tiếng Phạm Vệ-đà. Nhưng với tâm nguyện từ bi, Ngài muốn giáo lý của Ngài truyền bá khắp mọi tầng lớp trong xã hội nên Ngài đã không đồng ý, Ngài muốn đệ tử của mình ở vùng nào sẽ được tiếp cận giáo lý với ngôn ngữ địa phương vùng đó.

Tiếp nối tinh thần đó, Trần Nhân Tông có chủ trương truyền bá đạo Phật bằng ngôn ngữ tiếng Việt. Thế nên, bất cứ ai từng đọc sách sử nhà Trần đều nhận

thấy rằng từ thời Trần Nhân Tông, với vai trò là vị vua, Sơ Tổ của Thiền phái Trúc Lâm và Thái Thượng Hoàng, Ngài đã chủ trương sử dụng tiếng Việt trong việc truyền bá đạo Phật cũng như trong văn tự hành chính.

Dù chữ Hán đã có tầm ảnh hưởng sâu rộng trong văn hóa và văn học nước nhà, và việc tụng đọc kinh Phật bằng âm Hán được coi là linh nghiệm, nhiều người vẫn cho rằng việc này không hẳn là dễ hiểu. Điều này trái ngược với giáo lý của đức Phật, khi Ngài khuyên rằng mỗi dân tộc nên truyền bá đạo Phật bằng ngôn ngữ của chính mình.

Trần Nhân Tông là một bậc giác ngộ trong đạo thiền. Các bài thơ chữ Hán của Ngài chứng tỏ một trình độ Hán học uyên thâm. Tuy nhiên, trong cách thức truyền bá thiền, Ngài đã để lại nhiều bài phú Quốc âm nói về giáo lý đạo Phật triết lý Thiền tiêu biểu như *“Cư trần lạc đạo, Đắc thú lâm thành đạo ca...”* Một bài thơ của vị tăng sĩ trụ trì chùa Yên Quốc vào cuối đời Trần ca ngợi chí khí của Nguyễn Biểu cũng cho thấy rằng thơ Nôm trong thiền môn vào thời điểm này đã đạt đến trình độ ngang bằng với thơ Hán.

"*Chói lọi một vầng tuệ nhật*
Ùn ùn mấy đóa tường vân
Tam giới soi hòa trên dưới
Thập phương trải khắp gần xa
Giải thoát lần lần nghiệp chướng
Quang khai chốn chốn mê tân"

Xây dựng kiến trúc Phật giáo mang nét đặc trưng riêng

"*Theo Việt Nam Phật giáo sử luận*" của Nguyên Lan ghi vào thời Trần Anh Tông chúng ta có thể ước lượng số lượng chùa như sau: 15 chùa quốc tự, 330 chùa do vương hầu và người giàu có xây dựng, và 9.000 chùa do quần chúng tạo dựng. Như vậy, tổng cộng vào thời kỳ Trần, có khoảng 9.500 ngôi các ngôi chùa xây dựng có sự kế thừa và phát triển của nhà Lý. Các kiến trúc chùa Hang, tháp, những ngôi chùa vẫn còn chứng tích đến ngày nay như chùa Hàng São nằm trong núi São, tháp Huệ Quang chùa Yên Tử, chùa Phổ Minh, chùa Dâu... bệ Phật thời Trần phản ánh rất rõ tư tưởng bát nhã “sắc bất dị không, không bất dị sắc”

Trong các nghiên cứu của Đặng Văn Thắng về kiến trúc và bệ Phật thời Trần chỉ ra có đến hơn 50 bệ Phật chỉ có các hoa văn rồng phượng hoa sen mà không có tượng Phật với ngụ ý, muốn thấy Phật thì phải soi chiếu trong tâm mà không thể tìm cầu ben ngoài, kiến trúc tượng Phật tiêu biểu đặt trong tháp Huệ Quang mang không hề ảnh hưởng Trung Hoa mà có nét đặc trưng riêng đó là lối kiến

trúc Aramavati của Nam Ấn Độ cũng phần nào thể hiện tinh thần muốn thể hiện phong cách nghệ thuật kiến trúc riêng hạn chế ảnh hưởng chi phối văn hoá nghệ thuật Trung Hoa, văn hoa chạm khắc thời Trần thay vì kiến trúc lưỡng long chầu ngọc thuần tuý thì lại thay vào lưỡng long chầu hoa sen điều đó thể hiện tình thần quy y Phật của các bậc đề vương thời nhà Trần.

Các bệ Phật ở Trung Hoa hay Nhật Bản chỉ có chạm khắc hoa sen, mây nước, không có rồng vì rồng là biểu tượng cho đế vương nhưng nhà Trần thì khác, bệ Phật có rồng đó là thể hiện sự quy y Phật của các bậc đế vương nhà Trần.

2. Tác động đến phong tục tập quán, lễ hội và đời sống tín ngưỡng

Phật giáo đã có tác động sâu sắc đến phong tục tập quán, lễ hội và đời sống tín ngưỡng của người dân trong thời đại nhà Trần, tạo nên những giá trị văn hóa phong phú. Một trong những biểu hiện rõ nét nhất là việc hình thành các phong tục tập quán mang đậm dấu ấn Phật giáo.

Trong kinh Sự kiện cần phải quán sát, đức Phật đã dạy rằng: *“Ta là chủ nhân của nghiệp, là thừa tự của nghiệp, nghiệp là thai tạng, nghiệp là quyến thuộc, nghiệp là điểm tựa*". Trần Thái Tông đã khuyên tấn mọi người sám hối sáu căn của mình và thực hành mười điều thiện được ghi chép trong tác phẩm "*Khóa hư lục*".

Nguyễn Duy Hinh từng nhận định về "*Khóa hư lục*" là bộ kinh nhật tụng răn đe con người không tham lam của cải, sắc đẹp, rượu nồng thịt béo, công danh phú quý…bởi do lòng tham đó mà con người phải gánh chịu khổ đau. Với quan điểm “biện tâm” đó, Trần Thái Tông đã khuyến khích mọi người tu học Phật pháp, không phân biệt giai cấp, nghề nghiệp hay giới tính; chỉ cốt tuệ tri và trau nhiếp tâm mình để tỉnh giác an lạc trong cuộc sống.

Các nghi thức cầu an đầu năm, cầu siêu cho tổ tiên, các anh hùng tử nạn... thường xuyên được tổ chức không chỉ tại các ngôi chùa thuộc hoàng gia, mà còn ở các ngôi chùa do dân lập nên, các thời khoá nghi sáng tối do Trần Thái Tông biên soạn cũng được sử dụng rộng rãi tại các chùa chiền để cho sư cùng các tín đồ phật tử nương theo tu tập. Một nghi lễ cầu an được nghi trong Tam Tổ Thư lục ghi: Vào ngày mồng 9 tháng giêng năm Bính Tý (1036). Tam Tổ thực lục đã ghi nghi thức cầu an và thuyết giảng này do Thượng hoàng Trần Nhân Tông chủ trì tại chùa Kỳ Lân, khi Ngài lên tòa khai pháp đường như sau:

"*... Một nén hương này, khởi lành thơm phức, khí tốt bay lên, ngưng đọng năm phán pháp thân, biến khắp mười lễ diệu. Sức nóng lò hương dâng lên, mười*

phương ban phúc, chín miếu ứng thiên, tuổi vua lâu bền, ngôi trời vững chãi...”

Như vậy có thể nói Phật giáo thời Trần đã được phổ cập và ảnh hưởng mạnh mẽ tới phong tục tập quán và đời sống tín ngưỡng của người dân Đại Việt, chùa là nơi học tập Phật pháp của người dân, là nơi tổ chức các hoạt động tôn giáo cũng như các lễ hội dân gian, chính sự gắn bó khăng khít giữa chùa và dân đó mà văn hoá Việt luôn được duy trì dù trải qua bao thăng trầm lịch sử.

Như vậy, sự ảnh hưởng của Phật giáo trong thời đại nhà Trần không chỉ giới hạn ở các lĩnh vực văn hóa và nghệ thuật, mà còn mở rộng đến đời sống tinh thần và phong tục tập quán của người dân. Những giá trị nhân văn và tinh thần từ bi đã thấm sâu vào tâm thức cộng đồng, góp phần định hình một xã hội hòa bình, đoàn kết và nhân ái. Các hoạt động văn hóa, lễ hội và tín ngưỡng không chỉ thể hiện lòng tôn kính đối với đức Phật mà còn tạo dựng những kỷ niệm đáng nhớ trong tâm trí của mỗi người.

Qua đó, Phật giáo đã trở thành một phần thiết yếu trong đời sống văn hóa và tinh thần của người Việt, để lại di sản vô giá cho các thế hệ mai sau. Chính nhờ vào những nỗ lực truyền bá và phát triển của các bậc vua chúa và thiền sư, mà tinh thần Phật giáo đã hòa quyện vào dòng chảy lịch sử, tạo nên một thời kỳ huy hoàng và sâu sắc trong văn hóa Việt Nam.

Kết luận

Triều đại nhà Trần không chỉ là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong công cuộc khôi phục và phát triển đất nước, mà còn là thời kỳ đánh dấu sự thăng hoa của Phật giáo trong mọi lĩnh vực văn hóa, giáo dục và tinh thần của dân tộc.

Sự lãnh đạo của các vị vua Trần đã góp phần tạo ra một môi trường thuận lợi cho sự phát triển và phổ biến của giáo lý Phật giáo, giúp nó thấm nhuần sâu sắc vào đời sống chính trị và văn hóa Đại Việt. Sự kết hợp hài hòa giữa Thiền tông, Tịnh Độ và Mật tông trong tư tưởng Phật giáo không chỉ phản ánh sự giao thoa giữa các truyền thống tu hành mà còn tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển văn hóa tâm linh thể hiện sự uyển chuyển tinh tế trong quá trình tiếp thu và phát triển tông phái ứng dụng khéo léo trong quá trình tu tập. Tư tưởng “Phật tại tâm” đã khuyến khích người dân tìm kiếm sự thanh tịnh và phát triển đạo đức, đồng thời thúc đẩy lòng yêu nước và tinh thần đoàn kết, góp phần tạo dựng một xã hội hòa bình và nhân ái.

Ngoài ra, sự giao thoa giữa Phật giáo, Nho giáo và Lão giáo đã tạo nên một bức tranh văn hóa đa dạng và phong phú, thể hiện tinh thần cởi mở và khoan dung trong giáo dục và tư tưởng. Những giá trị nhân văn và đạo đức mà triều đại Trần

xây dựng không chỉ để lại dấu ấn sâu sắc trong lịch sử, mà còn định hình nhân cách và tâm thức của người dân Việt. Nhờ vào những nỗ lực không ngừng của các bậc vua chúa và thiền sư, tinh thần Phật giáo đã hòa quyện vào dòng chảy lịch sử, góp phần xây dựng một xã hội văn minh và thịnh vượng, những đóng góp của nhà Trần cho Phật giáo trong thời kỳ này không chỉ khẳng định vai trò của tôn giáo trong đời sống xã hội mà còn làm phong phú thêm bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Tác giả: **Đỗ Văn Tân (Thích Nhuận Giác)**
NCS lớp Thạc sĩ Học viện PGVN tại Tp.HCM